

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 147/2016/TT-BTC, Thông tư số 28/2017/TT-BTC và Thông tư số 30/2025/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 53/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch

vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số/TTr-SXD ngày; Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-STP ngày của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện là căn cứ để xây dựng đơn giá, giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện theo quy định, phục vụ việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực III; Trưởng Thuế thành phố Hải Phòng và các ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật);
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Sở Tư pháp;
- Công báo thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hải Phòng;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, XD, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng
bằng xe buýt điện trên địa bàn thành phố Hải Phòng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Xe buýt điện là xe buýt sử dụng động cơ điện, có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe), được phân loại như sau:

a) Xe buýt điện lớn là xe buýt sử dụng động cơ điện, có sức chứa từ 60 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe).

b) Xe buýt điện trung bình là xe buýt sử dụng động cơ điện, có sức chứa từ 40 chỗ đến 59 chỗ (không kể chỗ của người lái xe).

c) Xe buýt điện nhỏ là xe buýt sử dụng động cơ điện, có sức chứa từ 08 chỗ đến 39 chỗ (không kể chỗ của người lái xe).

2. Bảo dưỡng định kỳ là công việc được tiến hành bắt buộc **khi xe buýt điện chạy đủ quãng đường (km) hoặc thời gian khai thác theo định ngạch quy định**, theo nội dung công việc quy định nhằm duy trì trạng thái kỹ thuật tốt của xe buýt điện. Bảo dưỡng định kỳ được chia thành 6 cấp (từ cấp 1 đến cấp 6).

Bảo dưỡng hàng ngày là công việc được tiến hành hằng ngày trước hoặc sau khi đưa xe buýt điện vào khai thác, gồm làm sạch phương tiện và kiểm tra, điều chỉnh tình trạng kỹ thuật nhằm bảo đảm xe hoạt động an toàn, ổn định trong ngày.

3. Chu kỳ bảo dưỡng định kỳ được tính bằng quãng đường xe chạy hoặc thời gian khai thác giữa hai lần bảo dưỡng định kỳ kế tiếp. Cấp bảo dưỡng, mốc quãng đường thực hiện và số lần thực hiện của từng cấp được quy định chi tiết tại bảng định ngạch bảo dưỡng của từng loại xe; sau mỗi chu kỳ, các cấp bảo dưỡng được lặp lại từ mốc đầu tiên.

4. Sửa chữa lớn là những hoạt động hoặc những biện pháp kỹ thuật nhằm khôi phục khả năng hoạt động bình thường của xe buýt điện bằng cách phục hồi hoặc thay thế các chi tiết, hệ thống, tổng thành đã bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu dẫn đến hư hỏng.

5. Định ngạch sửa chữa lớn là quy định về quãng đường xe buýt điện chạy (km) giữa các lần sửa chữa lớn.

6. Định ngạch sử dụng lốp là quy định về quãng đường xe buýt điện chạy (km) của một đời lốp.

7. Định ngạch sử dụng bình điện là quy định về thời gian hoặc quãng đường xe chạy (km) của một đời bình điện.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện, bao gồm: Xây dựng đơn giá vận tải hành khách công cộng; mức tối đa làm cơ sở lập dự toán và thanh, quyết toán; tổ chức đặt hàng, đấu thầu; xác định mức hỗ trợ giá cước vận tải (nếu có) và quản lý chi phí theo quy định của pháp luật.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện được áp dụng cho xe buýt điện nhập khẩu, xe buýt điện lắp ráp, xe buýt điện sản xuất tại Việt Nam.

3. Trong quá trình thực hiện, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thường xuyên rà soát, kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các định mức kinh tế - kỹ thuật cho phù hợp điều kiện thực tế.

Chương II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT XE BUÝT ĐIỆN NHỎ
(TỪ 8 CHỖ ĐẾN 39 CHỖ¹)

Điều 5. Định mức khấu hao phương tiện

Loại xe	Tỷ lệ khấu hao/năm
Xe buýt điện nhỏ	10%

Điều 6. Định mức lao động của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

STT	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Đơn vị	Định mức
1	Thời gian làm việc 1 ca xe	Giờ	8
2	Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	24
3	Số ngày làm việc trong năm	Ngày	288
4	Hệ số ngày làm việc		1,27
5	Hệ số ca xe bình quân/ngày	Ca xe	2
6	Hành trình bình quân 1 ca xe	km/xe/ca	115-150
7	Số lao động lái xe	Người /ca xe	1
8	Số lao động nhân viên phục vụ trên xe	Người /ca xe	1

Điều 7. Định mức tiền lương cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

STT	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Đơn vị	Định mức
1	Bậc lương lái xe	Bậc	3/4
2	Hệ số lương lái xe (từ 20 chỗ đến 39 chỗ)		3,25
3	Hệ số lương lái xe (từ 8 chỗ đến 19 chỗ)		2,57
4	Bậc lương nhân viên phục vụ trên xe	Bậc	3/7
5	Hệ số lương nhân viên phục vụ trên xe		2,16
6	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (lái xe)		Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương
7	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (nhân viên phục vụ trên xe)		
8	Hệ số phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với lái xe khách		Theo quy định pháp luật

Ghi chú:

- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp
- Ăn ca
- Lương cơ bản

Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

- Lương lái xe, nhân viên phục vụ trên xe = (Hệ số lương + phụ cấp) x Mức lương cơ sở x (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương)

¹ Không kể chỗ người lái xe

Điều 8. Định mức tiêu hao năng lượng điện

STT	Loại xe	Đơn vị	Định mức
1	Xe buýt điện nhỏ	kWh/100 km	64,3

Ghi chú: Với các xe buýt điện có tuổi đời từ năm thứ 5 trở đi, áp dụng thêm hệ số điều chỉnh 1,05.

Điều 9. Định mức bảo dưỡng hàng ngày

STT	Nội dung	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Rửa xe, vệ sinh trong xe	0,2	3
2	Kiểm tra, điều chỉnh tình trạng đảm bảo kỹ thuật phương tiện	0,2	4
	Tổng	0,4	

Điều 10. Định ngạch bảo dưỡng cấp I

Loại xe	Bảo dưỡng cấp I (km)
Xe buýt điện nhỏ	5.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp I

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.
5	Bơm mỡ vào các thanh lái, ốc phi dê.
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của các động cơ điện.
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.
10	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.

12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
13	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
14	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần.
15	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
16	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
17	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khí thiếu.
18	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
19	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.
20	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...
22	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp I

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.	0,25	5
5	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.	0,5	5
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của các động cơ điện.	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.	0,5	5
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.	0,25	4
10	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	4
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	3
13	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	5
14	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần.	2	5
15	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,5	3
16	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
17	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
18	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
19	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.	0,5	4
20	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,5	4
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...	2	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
22	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	4
		17	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp I

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 11. Định ngạch bảo dưỡng cấp II

Loại xe	Bảo dưỡng cấp II (km)
Xe buýt điện nhỏ	10.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp II

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh kết nước làm mát động cơ điện.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ốc phi dê
5	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.
6	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
7	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.
8	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.

TT	Nội dung công việc
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
13	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
17	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau.
18	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.
19	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
20	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khí thiếu.
21	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
22	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
23	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp II

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh kết nước làm mát động cơ điện.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ốc phi dê	0,25	3
5	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
6	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,5	5
7	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.	0,5	5
8	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.	0,25	4
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.	0,5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.	0,5	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.	0,5	5
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	3
13	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	4
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	4
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
17	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau.	1	5
18	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.	0,5	4
19	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
20	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khí thiếu.	0,5	4
21	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
22	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,5	4
23	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm	0,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
	tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.		
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2	5
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	19,25	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp II

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	1
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 12. Định ngạch bảo dưỡng cấp III

Loại xe	Bảo dưỡng cấp III (km)
Xe buýt điện nhỏ	15.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp III

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
5	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.

TT	Nội dung công việc
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
12	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
13	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
16	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
17	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
18	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ
19	Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
21	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
22	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp
23	Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hư hỏng.
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định; kiểm tra két nước làm mát động cơ, mô tơ quạt làm mát nước động cơ
25	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
26	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
27	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.
28	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
29	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
30	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
31	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.
32	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
33	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)
34	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành

TT	Nội dung công việc
	hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...
36	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp III

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh kết nước làm mát.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ổ phi dê.	0,25	3
5	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.	0,25	5
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện	0,5	5
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau	0,5	5
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	4
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
12	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	5
13	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	0,5	5
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	5
16	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
17	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
18	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ	4	5
19	Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1	5
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
21	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	5
22	Thực hiện căng bằng lốp, đảo lốp	1,5	5
23	Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hư hỏng.	2	5
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định; kiểm tra két nước làm mát động cơ, mô tơ quạt làm mát nước động cơ	0,5	4
25	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,5	4
26	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
27	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
28	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
29	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,5	4
30	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,5	4
31	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.	0,25	3
32	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
33	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,5	5
34	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2	5
36	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	32,25	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp III

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	1
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 13. Định ngạch bảo dưỡng cấp IV

Loại xe	Bảo dưỡng cấp IV (km)
Xe buýt điện nhỏ	20.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp IV

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau
7	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter

TT	Nội dung công việc
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ điện.
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và pin cao áp.
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, hoạt động của các bơm nước làm mát động cơ điện, pin cao áp.
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động của hệ thống làm mát động cơ điện, pin.
16	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
18	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
19	Kiểm tra, thay thế lọc sấy khô khí nén khi đến định ngạch.
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
21	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau
22	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
24	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.
26	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm – bổ sung.
29	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp IV

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,5	5
6	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau	0,25	5
7	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	0,5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,5	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ điện.	0,5	4
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,5	4
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và pin cao áp.	0,5	4
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, hoạt động của các bơm nước làm mát động cơ điện, pin cao áp.	0,5	4
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động của hệ thống làm mát động cơ điện, pin.	0,5	5
16	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	4
18	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	4
19	Kiểm tra, thay thế lọc sấy khô khí nén khi đến định ngạch.	0,5	4
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bánh thường, đo lại độ chụm nếu cần	1	5
21	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,5	5
22	Bơm mỡ vào các thanh lái, ổ phi dê.	0,25	3
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
24	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khí thiếu.	0,5	4
26	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,5	4
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm – bổ sung.	0,5	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,25	3
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...	2	5
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	20,25	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp IV

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1

4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	1
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 14. Định ngạch bảo dưỡng cấp V

Loại xe	Bảo dưỡng cấp V (km)
Xe buýt điện nhỏ	30.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp V

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: Vỗ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
13	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
14	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
15	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
16	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.

TT	Nội dung công việc
17	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
18	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
19	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm. Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
20	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
22	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
23	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp
24	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng
25	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau
26	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
27	Kiểm tra đường ống làm mát pin, làm mát động cơ điện và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
28	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
30	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
31	Kiểm tra, vệ sinh thành phần điện áp cao trong BTMS: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$).
32	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
33	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khí thiếu.
34	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.
35	Kiểm tra, vệ sinh các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)

TT	Nội dung công việc
36	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.
37	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.
38	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.
39	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn.
40	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà.
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.
44	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.
45	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước
46	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.
47	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.
48	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau
49	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
50	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.
51	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.
52	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.
53	Kiểm tra lưới gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
54	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
55	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)
56	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...

TT	Nội dung công việc
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp V

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: Vỗ xe, găm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.	4	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	0,5	5
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.	0,5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.	0,5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.	0,5	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	4
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
13	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	5
14	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	1	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
15	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	4
16	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	5
17	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
18	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
19	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm. Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1	5
20	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ	4	5
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1	5
22	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	5
23	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp	1,5	5
24	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng	2	5
25	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau	0,5	5
26	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
27	Kiểm tra đường ống làm mát pin, làm mát động cơ điện và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
28	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	4
30	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,5	4
31	Kiểm tra, vệ sinh thành phần điện áp cao trong BTMS: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$).	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
32	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
33	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
34	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.	0,5	4
35	Kiểm tra, vệ sinh các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1	5
36	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.	1,5	4
37	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.	0,5	4
38	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	2	4
39	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn.	0,5	4
40	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...	0,5	4
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà.	0,5	4
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,25	4
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,5	3
44	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,5	3
45	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,5	3
46	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,5	3
47	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,5	3
48	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,5	3
49	Kiểm tra thang dầu, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
50	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.	0,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
51	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.	0,5	4
52	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.	0,25	3
53	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3
54	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
55	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,5	5
56	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2	5
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	47,75	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp V

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	3
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	2
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 15. Định ngạch bảo dưỡng cấp VI

Loại xe	Bảo dưỡng cấp VI (km)
Xe buýt điện nhỏ	60.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp VI

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: Vở xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.

TT	Nội dung công việc
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng riêng của pin
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.
9	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện thấp áp và hệ thống điện thấp áp trên xe.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1
13	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
14	Kiểm tra rò rỉ, hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và làm mát pin cao áp.
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của bơm nước làm mát pin và làm mát động cơ điện.
16	Kiểm tra hư hỏng hoặc ngoại vật tác động với cảm biến nhiệt độ nước làm mát.
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.
18	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
21	Thay lọc dầu trợ lực lái, kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu

TT	Nội dung công việc
22	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
23	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống
24	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô
25	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
26	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
27	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
28	Kiểm tra mỡ cầu trước. Thay thế sau mỗi 500.000 km/4 năm, tùy điều kiện nào đến trước
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ cầu sau.
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
33	Thực hiện cân bằng lốp. Thực hiện căng bằng lốp, đảo lốp
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng.
35	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau
36	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)
38	Dây điện làm mát pin không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.
39	Tiến hành đo điện trở cách điện làm mát pin ($\geq 5M\Omega$)
40	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
41	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
42	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gi, bổ sung khi thiếu.

TT	Nội dung công việc
43	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.
44	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)
45	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
46	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
47	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.
48	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn.
49	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...
50	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà
51	Đo điện trở cách điện điều hoà ($\geq 10M\Omega$)
52	Thay thế lọc ẩm ga lạnh điều hoà nếu cần.
53	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
54	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.
55	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.
56	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước
57	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.
58	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.
59	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau
60	Kiểm tra/ Bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau
61	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
62	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
63	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.

TT	Nội dung công việc
64	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
65	Kiểm tra lưới gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
66	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)
67	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
68	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...
69	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp VI

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: Vỗ xe, gôm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.	4	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng riêng của pin	15	5
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	1	5
9	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện thấp áp và hệ thống điện thấp áp trên xe.	1	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,5	5
13	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	4
14	Kiểm tra rò rỉ, hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và làm mát pin cao áp.	0,5	4
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của bơm nước làm mát pin và làm mát động cơ điện.	0,5	4
16	Kiểm tra hư hỏng hoặc ngoại vật tác động với cảm biến nhiệt độ nước làm mát.	0,5	5
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.	0,5	4
18	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	5
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	1	5
21	Thay lọc dầu trợ lực lái, kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu	0,5	4
22	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	5
23	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống	0,5	5
24	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô	0,5	4
25	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
26	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
27	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1	5
28	Kiểm tra mỡ cầu trước. Thay thế sau mỗi 500.000 km/4 năm, tùy điều kiện nào đến trước	1	4
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.	1	4
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ cầu sau.	4	5
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1	4
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	4
33	Thực hiện cân bằng lốp. Thực hiện căng bằng lốp, đảo lốp	1	4
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng.	2	5
35	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,5	5
36	Bơm mỡ vào các thanh lái, ốc phi dê.	0,25	3
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)	0,5	4
38	Dây điện làm mát pin không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	0,5	5
39	Tiến hành đo điện trở cách điện làm mát pin ($\geq 5M\Omega$)	0,5	5
40	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	5
41	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
42	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
43	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.	0,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
44	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1	5
45	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
46	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
47	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	2	4
48	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn.	1	4
49	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...	0,5	4
50	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà	0,5	4
51	Đo điện trở cách điện điều hoà ($\geq 10M\Omega$)	0,5	4
52	Thay thế lọc ẩm ga lạnh điều hoà nếu cần.	0,5	4
53	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,5	4
54	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,5	3
55	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,5	3
56	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,5	3
57	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,5	3
58	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,5	3
59	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,5	3
60	Kiểm tra/ Bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau	0,5	3
61	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
62	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,5	4
63	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát	0,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
	hiểm.		
64	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,25	3
65	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3
66	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,5	5
67	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
68	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	1,5	5
69	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	68,5	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp VI

TT	Tên vật tư phụ tùng	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	3
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	2
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1
7	Má phanh	Bộ	1
8	Lọc khô khí nén	Cái	1
9	Lọc gió máy nén	Cái	1
10	Dầu trợ lực lái	lít	2,9

Điều 16. Định ngạch sửa chữa lớn xe và tổng thành

Loại xe	Định mức sửa chữa lớn lần đầu (1.000 km)			
	Phần Gầm và truyền lực	Phần Điện	Điều hòa (Phần Lạnh)	Phần đồng sơn thân và khung xe
Xe buýt điện nhỏ	260	260	240	300

1. Định mức lao động sửa chữa lớn

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
-----	--------------------	------------------------------	-------------------

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	50	4
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lốp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan	8,45	4
4	Tháo các cụm tổng thành khỏi xe và lắp sau sửa chữa		
	- Tháo, lắp các bánh xe	3,4	3
	- Tháo, lắp moay ơ	13,6	3
	- Tháo, lắp dầm cầu sau	18,4	4
	- Tháo, lắp hệ thống càng chữ A cầu trước	20	4
	- Tháo, lắp hệ thống phanh, tổng phanh, cụm phanh tay, bầu phanh trước, sau.	6	4
	- Tháo lắp hệ thống lái, trợ lực lái	8	4
	- Tháo lắp bình hơi (1 bình)	1,5	4
5	Kiểm tra các chi tiết khi tháo, đo đặc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết.	38	6
6	Sửa chữa các cụm moay ơ và các chi tiết liên quan	47,6	4
7	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái.		
	- Thay bộ bạc, ổ trục tay lái (Ăc phi nhê) (1 xe)	16	4
	- Thay các rô tuyền của càng A và đòn kéo (1 xe)	14	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	- Thay bộ gioăng phốt hộp cơ cấu tay lái, điều chỉnh ăn khớp cơ cấu lái.	10,45	5
	- Thay bơm trợ lực lái	5	4
	- Thay tủy ô trợ lực lái	4	5
	- Thay ổ bi chữ thập trục tay lái	3,4	5
	- Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trục tay lái	13,6	5
8	Sửa chữa hệ thống treo		
	- Thay bóng hơi (1 xe)	9	4
	- Sửa chữa thay thế đế bóng hơi (1 xe)	9	5
	- Sửa chữa thay thế cần điều chỉnh hơi (1 xe)	3,5	4
	- Thay thế giảm chấn (1 xe)	6	3
	Thay thế bạc cao su thanh giằng cầu	4	4
	Thay thế rô tuyn cân bằng (1 xe)	4	4
9	Sửa chữa, thay thế dẫn động phanh		
	- Thay tủy ô phanh	6,8	4
	- Thay tổng phanh hoặc phốt tổng phanh	5,1	5
	- Thay bộ chia dòng phanh	3,4	5
	- Thay rơ le hoặc van hơi các loại (1 xe)	5,1	5
	- Sửa chữa thay thế cụm phanh tay	4	4
	- Thay bầu phanh (1 xe)	6	4
	- Sửa chữa thay đĩa phanh (1 xe)	6	4
	- Thay má phanh	4	4
10	Thay thế đế + bầu lọc làm khô khí nén	3	4
11	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống vành bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ kích.	23,2	4
	Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao.		
	Cộng	386,5	
II	Phần điện		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kiêm biên bản nghiệm thu,...	28	4
	Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay.		
	Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa.		
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
	- Tháo, lắp động cơ điện	16	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn trước	2	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn sau	2	4
	- Tháo, lắp đèn nóc	2	4
	- Tháo, lắp các đèn trong xe	24	4
	Tháo, lắp pin (10 pack)	30	5
	Tháo, lắp inverter	5	5
	Tháo, lắp sbox	2	5
	Tháo, lắp all-in-one	4	5
	Tháo, lắp hộp điều khiển làm mát pin DCMS	3	5
	- Tháo, lắp loa, radio, micro...	3	4
	- Tháo, lắp khoang táp lô	3	4
	- Tháo, lắp bộ gạt mưa	2	4
	- Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa (bao gồm van cơ khí, piston xy lanh đóng mở cửa và cả các thanh giằng rô tuyn cửa)	6	4
	- Tháo, lắp bó dây đầu xe, bảng cầu chì	4	5
	- Tháo, lắp bó dây trần xe (tính cả ốp sườn, ốp trần)	20	5
	- Tháo, lắp bó dây sát xi	24	5
	- Tháo, lắp bó dây đuôi xe	12	5
	- Tháo, lắp bó dây khoang động cơ	16	5
	- Tháo, lắp hệ thống điều khiển rơ le, cầu chì, ắc quy	8	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
5	Sửa chữa động cơ điện		
	- Thay vòng bi	10	5
	- Đo kiểm rô to, stato	8	5
6	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18	5
7	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18	5
8	Sửa chữa bó dây sát xi, thay dây mới	18	5
9	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	20	5
10	Hệ thống làm mát pin		
	- Tháo, lắp bơm nước	3	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	5	4
	- Tháo lắp cảm biến nhiệt độ	1	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	1	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2	4
	- Tháo, lắp dàn lạnh	1	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	1	4
11	Hệ thống làm mát động cơ điện, sbos, inverter, all-in-one		
	- Tháo, lắp bơm nước	1	4
	- Tháo, lắp két nước	1,5	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	3	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	0,5	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2	4
12	Kiểm tra sửa chữa, thay thế đèn led	24	4
13	Kiểm tra thay thế camera	6	4
14	Thay thế màn hình quảng cáo	8	4
15	Kiểm tra sửa chữa thay thế công tắc xuống xe	4	4
16	Thay thế các cổng sạc trên xe	4	4
17	Thay thế ắc quy 24V-200Ah	2	3
18	Kiểm tra hoàn thiện, bàn giao	6	5
	Cộng	391	
III	Phần điều hòa		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: Chuẩn bị hồ sơ giấy tờ, tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu, dự trù vật tư phụ tùng... và các giấy tờ, tài liệu thông số kỹ thuật khác liên quan. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa.	18	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
	- Thu hồi ga	1,2	4
	- Tháo, lắp quạt dàn nóng, dàn lạnh	2,4	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	3,6	5
	- Tháo, lắp dàn lạnh	4,8	5
	- Tháo, lắp hệ thống đường ống cao áp, thấp áp	19,2	5
	- Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	24	4
	- Tháo, lắp máy nén điều hòa	2,4	5
	- Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,5	5
	- Tháo, lắp công tắc điều khiển	1,2	5
	- Tháo, lắp hệ thống dây điện	14,4	5
	- Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25	4
	- Tháo, lắp hộp DC-DC chuyển đổi và phân phối điện cho hệ thống điều hòa	3	4
	- Tháo, lắp fill lọc ga điều hòa	3	4
	- Tháo, lắp van tiết lưu	4	4
5	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh.	7,2	5
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn nóng, thay thế	19,2	5
7	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn lạnh, thay thế	19,2	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
8	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	19	5
10	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển.	9,6	5
11	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9,6	5
12	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9,6	5
13	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4	5
	Cộng	234,1	
IV	Phần thân vỏ		
1	Tháo dỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chấn bụn xe	80	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe	540	5
3	Sửa chữa phục hồi phần vỏ, bậc lên xuống, chấn bụn xe	528	5
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe	225	5
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe	480	5
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió	140	5
7	Lắp ráp hoàn chỉnh	110	5
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, sàn xe, sơn chống gỉ sàn xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn bóng toàn bộ xe, kẻ các chữ trong và ngoài xe	390	5
	Cộng	2493	

2. Định ngạch phụ tùng cho sửa chữa lớn

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
I	Phần gầm và truyền lực		
1.	Cầu trước, sau	bộ	500.000
2.	Moay ơ trước, sau	cái	300.000
3.	Nhíp hơi	cái	120.000
4.	Đế nhíp hơi + giảm va đập	bộ	300.000
5.	Tổng phanh	cái	120.000
6.	Cảm biến báo mòn má phanh	bộ	120.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
7.	Cảm biến phanh ABS	cái	120.000
8.	Hộp tay lái	cái	300.000
9.	Vành tay lái + phím còi	bộ	300.000
10.	Bì moay ơ	vòng	84.000
11.	Bơm trợ lực tay lái	cái	120.000
12.	Bánh răng các loại	bộ	300.000
13.	Giảm chấn	cái	84.000
14.	Bạc càng chữ A	cái	84.000
15.	Các loại van hơi	bộ	120.000
16.	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	120.000
17.	Bầu phanh trước, sau	cái	300.000
18.	Cao su bầu phanh	cái	60.000
19.	Gioăng phốt tay lái	bộ	120.000
20.	Gioăng phốt cầu sau	bộ	60.000
21.	Phốt moay ơ	bộ	24.000
22.	Bulông tắc kê	cái	120.000
23.	Ắc bạc phi dê	bộ	120.000
24.	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	300.000
25.	Bô vi sai	bộ	300.000
26.	Trục láp	cái	300.000
27.	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	300.000
28.	Rô tuyen lái	cái	120.000
29.	Bộ công tắc điều khiển hộp số	bộ	120.000
30.	Đĩa phanh	cái	150.000
31.	La Jăng	cái	500.000
32.	Séc măng bơm hơi	bộ	60.000
33.	Xi lanh, pistong bơm hơi	cái	120.000
34.	Cụm van đóng mở phanh tay	Bộ	300.000
35.	Các loại bình hơi	cái	300.000
36.	Các loại tụy ô cao su	cái	60.000
37.	Các loại vòng bi cầu	vòng	180.000
38.	Các loại cao su giảm chấn	cái	48.000
39.	Bạc, ắc giăng cầu	cái	84.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
II	Phần điện		
1.	Vòng bi động cơ điện 3 pha	Vòng	240.000
2.	Bơm nước làm mát động cơ	cái	240.000
3.	Bơm hơi (máy nén khí)	cái	270.000
4.	Bơm nước làm mát Pin	cái	240.000
5.	Hộp All in 1	Pin	300.000
6.	Pin (1 xe gồm 10 Pack Pin)	Hộp	540.000
7.	Hộp điều khiển EVCU (Điều khiển toàn bộ hệ thống điện).	Hộp	300.000
8.	Hộp ECU điều khiển hệ thống treo	Hộp	300.000
9.	Hộp ECU điều khiển hệ thống phanh	Hộp	300.000
10.	Hộp EVCU điều khiển hệ thống sạc Pin cho xe	Hộp	300.000
11.	Còi điện	cái	50.000
12.	Mô tơ gạt mưa	cái	100.000
13.	Thanh giằng gạt mưa	bộ	240.000
14.	Rơ le cắt mát	cái	120.000
15.	Đèn pha, cos, xi nhan trước	cái	120.000
16.	Các đèn sau (phanh, lùi, xi nhan)	Cái	120.000
17.	Bóng đèn các loại	cái	24.000
18.	Rơ le các loại	cái	80.000
19.	Công tắc các loại	cái	60.000
20.	Cáp ắc quy	cái	180.000
21.	Đồng hồ các loại	cái	180.000
22.	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120.000
23.	Các loại cảm biến	cái	60.000
24.	Van điện từ điều khiển	cái	120.000
25.	Đèn LED xung quanh xe	bộ	240.000
26.	Bảng điều khiển đèn led	bộ	40.000
27.	Thẻ nhớ của bảng điều khiển	bộ	40.000
28.	Camera	bộ	240.000
29.	Màn hình camera	cái	40.000
30.	Nguồn màn hình camera	cái	40.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
31.	Ổ ghi camera	cái	240.000
32.	Bộ nguồn OBU	cái	240.000
33.	Đèn trần	bộ	120.000
34.	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60.000
35.	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	bộ	240.000
III	Phần Điều hòa		
1.	Máy nén pistong điều hòa	cái	240.000
2.	Bình lọc, làm khô	cái	72.000
3.	Chổi than quạt dàn nóng, dàn lạnh	bộ	132.000
4.	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	132.000
5.	Mô tơ quạt dàn nóng	cái	132.000
6.	Lưới lọc	bộ	48.000
7.	Cụm van máy nén	bộ	96.000
8.	Mặt đế dàn van máy nén	bộ	96.000
9.	Xéc măng máy nén	bộ	96.000
10.	Bạc vòng bi cổ trục, cổ biên hoặc cơ cấu dẫn động với bơm quay	bộ	84.000
11.	Cụm pistong, tay biên	bộ	132.000
12.	Van tiết lưu	cái	144.000
13.	Tuy ô cao su	bộ	144.000
14.	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	144.000
15.	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	96.000
16.	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	132.000
17.	Máy nén điều hòa	bộ	400.000
18.	Dàn lạnh	cái	400.000
19.	Dàn nóng	cái	400.000
20.	Bảng điều khiển	bộ	240.000
21.	Công tắc áp suất	cái	240.000
22.	Cụm đường ống cao áp	bộ	400.000
23.	Cụm đường ống thấp áp	bộ	400.000
24.	Bình chứa	cái	400.000
25.	Ga điều hoà	kg	84.000
26.	Dầu máy nén	ml	84.000

3. Định mức vật tư phụ sửa chữa lớn

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC		
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	25
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10
3	Điện để chạy thử, nghiệm thu	kWh	10
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2
5	Giẻ lau	Kg	5
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	7
8	Mỡ bơm	Kg	0,7
9	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Băng dính điện	Cuộn	4
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Điện để chạy thử, nghiệm thu	kWh	10
4	Dây điện	M	10
5	Dây thít to, nhỏ	Cái	50
6	Giấy ráp	Tờ	5
7	Chất tẩy rửa (RP7)	Lọ (400ml)	2
8	Giẻ lau	Kg	2
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)		
1	Băng dính điện	Cuộn	3
2	Dây thít to, nhỏ	Cái	30
3	Chất tẩy rửa (RP7)	Lọ (400 ml)	1
4	Dây điện	M	5
5	Giẻ lau	Kg	2
6	Điện để kiểm tu, chạy thử, nghiệm thu	kWh	10
IV.	PHẦN THÂN VỎ		
1	Sơn chống gỉ	Lít	15
2	Sơn ghi lót	Lít	2
3	Sơn màu	Lít	13
4	Sơn gầm xe	Lít	8
5	Đông cứng lót	Lít	6,5

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
6	Dung môi pha sơn	Lít	3
7	Mỡ bơm	Kg	1
8	Giấy ráp các loại	Tờ (0,5 m)	9
9	Đồng cứng màu	Lít	1
10	Bả keo hai thành phần	Kg	42
11	Vải giáp nga để mài	Mét	5
12	Băng dính	Cuộn	7
13	Giấy báo	Kg	1
14	Giẻ lau	Kg	4

Điều 17. Định ngạch sử dụng lớp

STT	Loại xe	Số lượng (Bộ)	Định ngạch sử dụng (km)	
			Lớp nội	Lớp ngoại
1	Xe buýt điện nhỏ	6	35.000	55.000

Điều 18. Định ngạch sử dụng ắc quy

STT	Loại xe	Chủng loại	Số lượng (Bộ)	Định ngạch sử dụng (Tháng)
1	Xe buýt điện nhỏ	80 Ah	2	18

Điều 19. Định mức quản lý chung

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý chung	%	7

Ghi chú: Định mức quản lý chung được xác định tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp

Điều 20. Định mức lợi nhuận của định mức

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức lợi nhuận định mức	%	5

Ghi chú: Định mức lợi nhuận định mức được xác định tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp

Điều 21. Định mức trang thiết bị vận hành áp dụng khoa học công nghệ

TT	Định mức	Đơn vị	Trang thiết bị vận hành áp dụng khoa học công nghệ				
			Camera giám sát tích hợp GPS	LED	Camera trên xe	Rao trạm	Máy POS
1	Số lượng trên 1 phương tiện	Cái	1	2	2	1	1

2	Thời gian khấu hao trang thiết bị	Năm	5	5	5	5	5
3	Vận hành, duy tu bảo dưỡng trang thiết bị	Lần/năm	1	1	1	1	1

Ghi chú: Trường hợp giá phương tiện xe buýt điện khi mua đã bao gồm một hoặc tất cả trang thiết bị nêu trên thì khi tính toán hồ sơ dự toán hoặc đơn giá dịch vụ VTHKCC xe buýt điện sẽ loại trừ hạng mục tương ứng

Điều 22. Định mức trạm sạc

STT	Nội dung	Đơn vị	Phương pháp	Giá trị
1	Định mức trạm sạc	%	Được xác định theo tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp vận hành	3,99

Ghi chú: Định mức trạm sạc bao gồm chi phí khấu hao trạm sạc, hạ tầng phục vụ trạm sạc, chi phí lao động vận hành, năng lượng vận hành, chi phí bảo dưỡng duy trì trạm sạc

Điều 23. Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Bảo hiểm TNDS	Lần/năm	1
2	Kiểm định (Đăng kiểm)	Lần/năm	1,4
3	Phí bảo trì đường bộ	Lần/năm	1
4	Định mức gửi xe, thuê bãi đỗ xe		Tính trên cơ sở số kilomet xe buýt di chuyển thực tế từ bãi đỗ xe buýt đến điểm đầu của tuyến

Chương III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NHÓM XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH
(TỪ 40 CHỖ ĐẾN 59 CHỖ²)

Điều 24. Định mức khấu hao xe buýt điện trung bình

Loại xe	Tỷ lệ khấu hao/năm
Xe buýt điện trung bình	10%

Điều 25. Định mức lao động của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

STT	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Đơn vị	Định mức
1	Thời gian làm việc 1 ca xe	Giờ	8
2	Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	24
3	Số ngày làm việc trong năm	Ngày	288
4	Hệ số ngày làm việc		1,27
5	Hệ số ca xe bình quân/ngày	Ca xe	2
6	Hành trình bình quân 1 ca xe	km/xe/ca	115-150
7	Số lao động lái xe	Người /ca xe	1
8	Số lao động nhân viên phục vụ trên xe	Người /ca xe	1

Điều 26. Định mức tiền lương cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

STT	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Đơn vị	Định mức
1	Bậc lương lái xe	Bậc	3/4
2	Hệ số lương lái xe		3,44
3	Bậc lương nhân viên phục vụ trên xe	Bậc	3/7
4	Hệ số lương nhân viên phục vụ trên xe		2,16
5	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (lái xe)		Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương
6	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (nhân viên phục vụ trên xe)		
7	Hệ số phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với lái xe ô tô khách		Theo quy định pháp luật

Ghi chú:

- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp
- Ăn ca
- Lương cơ bản

Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

- Lương lái xe, nhân viên phục vụ trên xe = (Hệ số lương + hệ số phụ cấp) x Mức lương cơ sở x (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương)

Điều 27. Mức tiêu hao năng lượng điện

STT	Loại xe	Đơn vị	Định mức
1	Xe buýt điện trung bình	kWh/100 km	64,3

² Không kể chỗ của người lái xe

Ghi chú: Với các xe buýt điện có tuổi đời từ năm thứ 5 trở đi, áp dụng thêm hệ số điều chỉnh 1,05.

Điều 28. Định mức bảo dưỡng hàng ngày

STT	Nội dung	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Rửa xe, vệ sinh trong xe	0,2	3
2	Kiểm tra, điều chỉnh tình trạng đảm bảo kỹ thuật phương tiện	0,2	4
	Tổng	0,4	

Điều 29. Định ngạch bảo dưỡng cấp I

Loại xe	Bảo dưỡng cấp I (km)
Xe buýt điện trung bình	5.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp I

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.
5	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của các động cơ điện.
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.
10	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
13	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
14	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần.
15	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến

TT	Nội dung công việc
	mức quy định.
16	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
17	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.
18	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
19	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.
20	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...
22	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp I

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.	0,25	5
5	Bơm mỡ vào các thanh lái, ốc phi dê.	0,25	3
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.	0,5	5
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của các động cơ điện.	0,5	5
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.	0,5	5
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.	0,25	4
10	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	4
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung	0,5	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
	dầu trợ lực lái nếu thiếu.		
13	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	5
14	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần.	2	5
15	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,5	3
16	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trên xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
17	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
18	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
19	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.	0,5	4
20	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,5	4
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...	2	5
22	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	4
		17	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp I

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	1
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 30. Định ngạch bảo dưỡng cấp II

Loại xe	Bảo dưỡng cấp II (km)
---------	-----------------------

Xe buýt điện trung bình	10.000
-------------------------	--------

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp II

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát động cơ điện.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ổ phi dê
5	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.
6	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
7	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.
8	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
13	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
17	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau.
18	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.
19	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
20	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khí thiếu.
21	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
22	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
23	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách

TT	Nội dung công việc
	ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp II

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát động cơ điện.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê	0,25	3
5	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.	0,5	5
6	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,5	5
7	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.	0,5	5
8	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.	0,25	4
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.	0,5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.	0,5	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.	0,5	5
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	3
13	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	4
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
17	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau.	1	5
18	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.	0,5	4
19	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
20	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
21	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
22	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,5	4
23	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,5	4
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các jack cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2	5
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	19,25	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp II

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	1
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 31. Định ngạch bảo dưỡng cấp III

Loại xe	Bảo dưỡng cấp III (km)
Xe buýt điện trung bình	15.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp III

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ổ phi dê.
5	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
12	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
13	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
16	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
17	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
18	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ
19	Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
21	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp

TT	Nội dung công việc
22	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp
23	Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hư hỏng.
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định; kiểm tra két nước làm mát động cơ, mô tơ quạt làm mát nước động cơ
25	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
26	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
27	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.
28	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
29	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
30	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
31	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.
32	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
33	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)
34	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...
36	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp III

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
5	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.	0,25	5
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo,	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
	dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiện thị lỗi		
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện	0,5	5
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau	0,5	5
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	4
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
12	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	5
13	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	0,5	5
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	3
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	5
16	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
17	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
18	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ	4	5
19	Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1	5
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
21	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
22	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp	1,5	5
23	Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hư hỏng.	2	5
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định; kiểm tra kết nước làm mát động cơ, mô tơ quạt làm mát nước động cơ	0,5	4
25	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,5	4
26	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
27	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
28	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
29	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,5	4
30	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,5	4
31	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.	0,25	3
32	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3
33	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,5	5
34	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2	5
36	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	32,25	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp III

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1
4	Nước làm mát	Lít	2

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
5	Băng dính điện	Cuộn	1
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 32. Định ngạch bảo dưỡng cấp IV

Loại xe	Bảo dưỡng cấp IV (km)
Xe buýt điện trung bình	20.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp IV

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau
7	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ điện.
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và pin cao áp.
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, hoạt động của các bơm nước làm mát động cơ điện, pin cao áp.
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động của hệ thống làm mát động cơ điện, pin.
16	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
18	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc

TT	Nội dung công việc
	gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
19	Kiểm tra, thay thế lọc sấy khô khí nén khí đến định ngạch.
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
21	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau
22	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
24	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.
26	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm – bổ sung.
29	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp IV

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh kết nước làm mát.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,5	5
6	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau	0,25	5
7	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	0,5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,5	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ điện.	0,5	4
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,5	4
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và pin cao áp.	0,5	4
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, hoạt động của các bơm nước làm mát động cơ điện, pin cao áp.	0,5	4
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động của hệ thống làm mát động cơ điện, pin.	0,5	5
16	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	4
18	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	4
19	Kiểm tra, thay thế lọc sấy khô khí nén khi đến định ngạch.	0,5	4
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bánh thường, đo lại độ chụm nếu cần	1	5
21	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,5	5
22	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
24	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
26	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,5	4
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm – bổ sung.	0,5	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,25	3
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...	2	5
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	20,25	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp IV

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	1
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 33. Định ngạch bảo dưỡng cấp V

Loại xe	Bảo dưỡng cấp IV (km)
Xe buýt điện trung bình	30.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp V

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: Vỗ xe, gắm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.

TT	Nội dung công việc
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
13	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
14	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
15	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
16	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
17	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
18	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
19	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm. Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
20	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
22	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
23	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp
24	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng
25	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau
26	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.

TT	Nội dung công việc
27	Kiểm tra đường ống làm mát pin, làm mát động cơ điện và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
28	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
30	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
31	Kiểm tra, vệ sinh thành phần điện áp cao trong BTMS: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$).
32	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
33	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.
34	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.
35	Kiểm tra, vệ sinh các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)
36	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.
37	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.
38	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.
39	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn.
40	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa.
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.
44	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.
45	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước
46	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.
47	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.
48	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau
49	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
50	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.
51	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.

TT	Nội dung công việc
52	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.
53	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
54	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
55	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)
56	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp V

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: Vỗ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa kết nước làm mát.	4	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	0,5	5
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.	0,5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.	0,5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.	0,5	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
13	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	5
14	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	1	5
15	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,5	4
16	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	5
17	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
18	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
19	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm. Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1	5
20	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ	4	5
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1	5
22	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	5
23	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp	1,5	5
24	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng	2	5
25	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,5	5
26	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
27	Kiểm tra đường ống làm mát pin, làm mát động cơ điện và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
28	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	4
30	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,5	4
31	Kiểm tra, vệ sinh thành phần điện áp cao trong BTMS: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$).	0,5	5
32	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
33	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
34	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.	0,5	4
35	Kiểm tra, vệ sinh các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1	5
36	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.	1,5	4
37	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.	0,5	4
38	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	2	4
39	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn.	0,5	4
40	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...	0,5	4
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà.	0,5	4
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,25	4
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,5	3
44	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,5	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
45	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,5	3
46	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,5	3
47	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,5	3
48	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,5	3
49	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
50	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.	0,5	4
51	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.	0,5	4
52	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.	0,25	3
53	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3
54	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
55	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,5	5
56	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2	5
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	47,75	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp V

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	3
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	2
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

Điều 34. Định ngạch bảo dưỡng cấp VI

Loại xe	Bảo dưỡng cấp IV (km)
Xe buýt điện trung bình	60.000

1. Nội dung công việc bảo dưỡng cấp VI

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: Vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng riêng của pin
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.
9	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện thấp áp và hệ thống điện thấp áp trên xe.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1
13	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
14	Kiểm tra rò rỉ, hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và làm mát pin cao áp.
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của bơm nước làm mát pin và làm mát động cơ điện.
16	Kiểm tra hư hỏng hoặc ngoại vật tác động với cảm biến nhiệt độ nước làm mát.
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.
18	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
21	Thay lọc dầu trợ lực lái, kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu

22	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
23	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống
24	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô
25	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
26	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
27	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
28	Kiểm tra mỡ cầu trước. Thay thế sau mỗi 500.000 km/4 năm, tùy điều kiện nào đến trước
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ cầu sau.
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
33	Thực hiện cân bằng lốp. Thực hiện căng bằng lốp, đảo lốp
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng.
35	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau
36	Bơm mỡ vào các thanh lái, ốc phi dê.
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)
38	Dây điện làm mát pin không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.
39	Tiến hành đo điện trở cách điện làm mát pin ($\geq 5M\Omega$)
40	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
41	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
42	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gi, bổ sung khí thiếu.
43	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.
44	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)
45	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
46	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
47	Kiểm tra bảng rơi le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.
48	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn.
49	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...
50	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà

51	Đo điện trở cách điện điều hoà ($\geq 10M\Omega$)
52	Thay thế lọc ẩm ga lạnh điều hoà nếu cần.
53	Kiểm tra bộ điều khiển điều hoà: mã lỗi và tình trạng nút bấm
54	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.
55	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.
56	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước
57	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.
58	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.
59	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau
60	Kiểm tra/ Bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau
61	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
62	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
63	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.
64	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
65	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
66	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)
67	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
68	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...
69	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp VI

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: Vỡ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hoà; Rửa két nước làm mát.	4	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng	15	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
	riêng của pin		
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	1	5
9	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện thấp áp và hệ thống điện thấp áp trên xe.	1	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	0,5	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,5	5
13	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	4
14	Kiểm tra rò rỉ, hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và làm mát pin cao áp.	0,5	4
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của bơm nước làm mát pin và làm mát động cơ điện.	0,5	4
16	Kiểm tra hư hỏng hoặc ngoại vật tác động với cảm biến nhiệt độ nước làm mát.	0,5	5
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.	0,5	4
18	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,5	5
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	5
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	1	5
21	Thay lọc dầu trợ lực lái, kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu	0,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
22	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1	5
23	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống	0,5	5
24	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô	0,5	4
25	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
26	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,5	5
27	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1	5
28	Kiểm tra mỡ cầu trước. Thay thế sau mỗi 500.000 km/4 năm, tùy điều kiện nào đến trước	1	4
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.	1	4
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ cầu sau.	4	5
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1	4
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	4
33	Thực hiện cân bằng lốp. Thực hiện căng bằng lốp, đảo lốp	1	4
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng.	2	5
35	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,5	5
36	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)	0,5	4
38	Dây điện làm mát pin không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	0,5	5
39	Tiến hành đo điện trở cách điện làm mát pin ($\geq 5M\Omega$)	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
40	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	5
41	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trên xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,5	3
42	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,5	4
43	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.	0,5	4
44	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1	5
45	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
46	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
47	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	2	4
48	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn.	1	4
49	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...	0,5	4
50	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà	0,5	4
51	Đo điện trở cách điện điều hoà ($\geq 10M\Omega$)	0,5	4
52	Thay thế lọc ẩm ga lạnh điều hoà nếu cần.	0,5	4
53	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,5	4
54	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,5	3
55	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,5	3
56	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,5	3
57	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,5	3
58	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,5	3
59	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,5	3
60	Kiểm tra/ Bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau	0,5	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
61	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
62	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,5	4
63	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.	0,5	4
64	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,25	3
65	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3
66	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,5	5
67	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
68	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	1,5	5
69	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	68,5	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp VI

TT	Tên vật tư phụ tùng	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	3
4	Nước làm mát	Lít	2
5	Băng dính điện	Cuộn	2
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1
7	Má phanh	Bộ	1
8	Lọc khô khí nén	Cái	1
9	Lọc gió máy nén	Cái	1
10	Dầu trợ lực lái	lít	2,9

Điều 35. Định ngạch sửa chữa lớn xe và tổng thành

Loại xe	Định mức sửa chữa lớn lần đầu (1.000 km)			
	Phần Gầm và	Phần Điện	Phần Điều hòa	Phần Đồng Sơn

	truyền lực		(Lạnh)	Thân và Khung Xe
Xe buýt điện trung bình	260	260	240	300

1. Định mức lao động sửa chữa lớn

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	50	4
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lốp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan	8,45	4
4	Tháo các cụm tổng thành khỏi xe và lắp sau sửa chữa		
	- Tháo, lắp các bánh xe	3,40	3
	- Tháo, lắp moay ơ	13,60	3
	- Tháo, lắp dầm cầu sau	18,40	4
	- Tháo, lắp hệ thống càng chữ A cầu trước	20,00	4
	- Tháo, lắp hệ thống phanh, tổng phanh, cụm phanh tay, bầu phanh trước, sau.	6,00	4
	- Tháo lắp hệ thống lái, trợ lực lái	8,00	4
	- Tháo lắp bình hơi (1 bình)	1,50	4
5	Kiểm tra các chi tiết khi tháo, đo đặc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết.	38	6
6	Sửa chữa các cụm moay ơ và các chi tiết liên quan	47,6	4
7	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái.		

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	- Thay bộ bạc, ốc trụ tay lái (Ắc phi nhê) (1 xe)	16,00	4
	- Thay các rô tuyền của càng A và đòn kéo (1 xe)	14,00	4
	- Thay bộ gioăng phốt hộp cơ cấu tay lái, điều chỉnh ăn khớp cơ cấu lái.	10,45	5
	- Thay bơm trợ lực lái	5	4
	- Thay tủy ô trợ lực lái	4	5
	- Thay ổ bi chữ thập trực tay lái	3,4	5
	- Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trực tay lái	13,6	5
8	Sửa chữa hệ thống treo		
	- Thay bóng hơi (1 xe)	9,00	4
	- Sửa chữa thay thế đế bóng hơi (1 xe)	9,00	5
	- Sửa chữa thay thế cần điều chỉnh hơi (1 xe)	3,50	4
	- Thay thế giảm chấn (1 xe)	6,00	3
	Thay thế bạc cao su thanh giằng cầu	4	4
	Thay thế rô tuyền cân bằng (1 xe)	4	4
9	Sửa chữa, thay thế dẫn động phanh		
	- Thay tủy ô phanh	6,8	4
	- Thay tổng phanh hoặc phốt tổng phanh	5,1	5
	- Thay bộ chia dòng phanh	3,4	5
	- Thay rơ le hoặc van hơi các loại (1 xe)	5,10	5
	- Sửa chữa thay thế cụm phanh tay	4	4
	- Thay bầu phanh (1 xe)	6,00	4
	- Sửa chữa thay đĩa phanh (1 xe)	6,00	4
	- Thay má phanh	4	4
10	Thay thế đế + bầu lọc làm khô khí nén	3	4
11	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống vành bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ kích. Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao.	23,2	4
	Cộng	386,5	
II	Phần điện		

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu,... Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa.	28	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
	- Tháo, lắp động cơ điện	16,00	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn trước	2,00	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn sau	2,00	4
	- Tháo, lắp đèn nóc	2,00	4
	- Tháo, lắp các đèn trong xe	24,00	4
	Tháo, lắp pin (10 pack)	30	5
	Tháo, lắp inverter	5	5
	Tháo, lắp sbox	2	5
	Tháo, lắp all-in-one	4	5
	Tháo, lắp hộp điều khiển làm mát pin DCMS	3	5
	- Tháo, lắp loa, radio, micro...	3,00	4
	- Tháo, lắp khoang táp lô	3,00	4
	- Tháo, lắp bộ gạt mưa	2,00	4
	- Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa (bao gồm van cơ khí, piston xy lanh đóng mở cửa và cả các thanh giằng rô tuyn cửa)	6,00	4
	- Tháo, lắp bó dây đầu xe, bảng cầu chì	4,00	5
	- Tháo, lắp bó dây trần xe (tính cả ốp sườn, ốp trần)	20,00	5
	- Tháo, lắp bó dây sát xi	24,00	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	- Tháo, lắp bó dây đuôi xe	12,00	5
	- Tháo, lắp bó dây khoang động cơ	16,00	5
	- Tháo, lắp hệ thống điều khiển rơ le, cầu chì, ắc quy	8,00	4
5	Sửa chữa động cơ điện		
	- Thay vòng bi	10	5
	- Đo kiểm rô to, stato	8,00	5
6	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18	5
7	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18	5
8	Sửa chữa bó dây sát xi, thay dây mới	18	5
9	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	20	5
10	Hệ thống làm mát pin		
	- Tháo, lắp bơm nước	3,00	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	5,00	4
	- Tháo lắp cảm biến nhiệt độ	1	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	1,00	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2	4
	- Tháo, lắp dàn lạnh	1,00	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	1,00	4
11	Hệ thống làm mát động cơ điện, sbos, inverter, all-in-one		
	- Tháo, lắp bơm nước	1,00	4
	- Tháo, lắp két nước	1,50	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	3,00	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	0,50	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2	4
12	Kiểm tra sửa chữa, thay thế đèn led	24	4
13	Kiểm tra thay thế camera	6	4
14	Thay thế màn hình quảng cáo	8	4
15	Kiểm tra sửa chữa thay thế công tắc xuống xe	4	4
16	Thay thế các công sạc trên xe	4	4
17	Thay thế ắc quy 24V-200Ah	2	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
18	Kiểm tra hoàn thiện, bàn giao	6	5
	Cộng	391	
III	Phần điều hòa		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: Chuẩn bị hồ sơ giấy tờ, tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu, dự trù vật tư phụ tùng... và các giấy tờ, tài liệu thông số kỹ thuật khác liên quan. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa.	18	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
	- Thu hồi ga	1,2	4
	- Tháo, lắp quạt dàn nóng, dàn lạnh	2,40	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	3,60	5
	- Tháo, lắp dàn lạnh	4,80	5
	- Tháo, lắp hệ thống đường ống cao áp, thấp áp	19,20	5
	- Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	24,00	4
	- Tháo, lắp máy nén điều hòa	2,40	5
	- Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,50	5
	- Tháo, lắp công tắc điều khiển	1,20	5
	- Tháo, lắp hệ thống dây điện	14,40	5
	- Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25,00	4
	- Tháo, lắp hộp DC-DC chuyển đổi và phân phối điện cho hệ thống điều hòa	3,00	4
	- Tháo, lắp fill lọc ga điều hòa	3,00	4
	- Tháo, lắp van tiết lưu	4,00	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
5	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh.	7,2	5
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn nóng, thay thế	19,2	5
7	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn lạnh, thay thế	19,2	5
8	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	19	5
10	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển.	9,6	5
11	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9,6	5
12	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9,6	5
13	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4	5
	Cộng	234,1	
IV	Phần thân vỏ		
1	Tháo dỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chấn bùn xe	80	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe	540	5
3	Sửa chữa phục hồi phần vỏ, bậc lên xuống, chấn bùn xe	528	5
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe	300	5
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe	480	5
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió	140	5
7	Lắp ráp hoàn chỉnh	110	5
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, sàn xe, sơn chống gỉ sàn xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn bóng toàn bộ xe, kẻ các chữ trong và ngoài xe	390	5
	Cộng	2568	

2. Định ngạch phụ tùng cho sửa chữa lớn

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
I	Phần gầm và truyền lực		

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
1.	Cầu trước, sau	bộ	500.000
2.	Moay ơ trước, sau	cái	300.000
3.	Nhíp hơi	cái	120.000
4.	Đế nhíp hơi + giảm va đập	bộ	300.000
5.	Tổng phanh	cái	120.000
6.	Cảm biến báo mòn má phanh	bộ	120.000
7.	Cảm biến phanh ABS	cái	120.000
8.	Hộp tay lái	cái	300.000
9.	Vành tay lái + phím còi	bộ	300.000
10.	Bì moay ơ	vòng	84.000
11.	Bơm trợ lực tay lái	cái	120.000
12.	Bánh răng các loại	bộ	300.000
13.	Giảm chấn	cái	84.000
14.	Bạc càng chữ A	cái	84.000
15.	Các loại van hơi	bộ	120.000
16.	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	120.000
17.	Bầu phanh trước, sau	cái	300.000
18.	Cao su bầu phanh	cái	60.000
19.	Gioăng phốt tay lái	bộ	120.000
20.	Gioăng phốt cầu sau	bộ	60.000
21.	Phốt moay ơ	bộ	24.000
22.	Bulông tắc kê	cái	120.000
23.	Ắc bạc phi dê	bộ	120.000
24.	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	300.000
25.	Bô vi sai	bộ	300.000
26.	Trục láp	cái	300.000
27.	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	300.000
28.	Rô tuyn lái	cái	120.000
29.	Bộ công tắc điều khiển hộp số	bộ	120.000
30.	Đĩa phanh	cái	150.000
31.	La Jăng	cái	500.000
32.	Séc măng bơm hơi	bộ	60.000
33.	Xi lanh, pistong bơm hơi	cái	120.000
34.	Cụm van đóng mở phanh tay	Bộ	300.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
35.	Các loại bình hơi	cái	300.000
36.	Các loại tuy ô cao su	cái	60.000
37.	Các loại vòng bi cầu	vòng	180.000
38.	Các loại cao su giảm chấn	cái	48.000
39.	Bạc, ốc giăng cầu	cái	84.000
II	Phần điện		
1.	Vòng bi động cơ điện 3 pha	Vòng	240.000
2.	Bơm nước làm mát động cơ	cái	240.000
3.	Bơm hơi (máy nén khí)	cái	270.000
4.	Bơm nước làm mát Pin	cái	240.000
5.	Hộp All in 1	Pin	300.000
6.	Pin (1 xe gồm 10 Pack Pin)	Hộp	540.000
7.	Hộp điều khiển EVCU (Điều khiển toàn bộ hệ thống điện).	Hộp	300.000
8.	Hộp ECU điều khiển hệ thống treo	Hộp	300.000
9.	Hộp ECU điều khiển hệ thống phanh	Hộp	300.000
10.	Hộp EVCU điều khiển hệ thống sạc Pin cho xe	Hộp	300.000
11.	Còi điện	cái	50.000
12.	Mô tơ gạt mưa	cái	100.000
13.	Thanh giăng gạt mưa	bộ	240.000
14.	Rơ le cắt mát	cái	120.000
15.	Đèn pha, cos, xi nhan trước	cái	120.000
16.	Các đèn sau (phanh, lùi, xi nhan)	Cái	120.000
17.	Bóng đèn các loại	cái	24.000
18.	Rơ le các loại	cái	80.000
19.	Công tắc các loại	cái	60.000
20.	Cáp ắc quy	cái	180.000
21.	Đồng hồ các loại	cái	180.000
22.	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120.000
23.	Các loại cảm biến	cái	60.000
24.	Van điện từ điều khiển	cái	120.000
25.	Đèn LED xung quanh xe	bộ	240.000
26.	Bảng điều khiển đèn led	bộ	40.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
27.	Thẻ nhớ của bảng điều khiển	bộ	40.000
28.	Camera	bộ	240.000
29.	Màn hình camera	cái	40.000
30.	Nguồn màn hình camera	cái	40.000
31.	Ổ ghi camera	cái	240.000
32.	Bộ nguồn OBU	cái	240.000
33.	Đèn trần	bộ	120.000
34.	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60.000
35.	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	bộ	240.000
III	Phần Điều hòa		
1.	Máy nén pistong điều hòa	cái	240.000
2.	Bình lọc, làm khô	cái	72.000
3.	Chổi than quạt dàn nóng, dàn lạnh	bộ	132.000
4.	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	132.000
5.	Mô tơ quạt dàn nóng	cái	132.000
6.	Lưới lọc	bộ	48.000
7.	Cụm van máy nén	bộ	96.000
8.	Mặt đế dàn van máy nén	bộ	96.000
9.	Xéc măng máy nén	bộ	96.000
10.	Bạc vòng bi cổ trục, cổ biên hoặc cơ cấu dẫn động với bơm quay	bộ	84.000
11.	Cụm pistong, tay biên	bộ	132.000
12.	Van tiết lưu	cái	144.000
13.	Tuy ô cao su	bộ	144.000
14.	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	144.000
15.	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	96.000
16.	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	132.000
17.	Máy nén điều hòa	bộ	400.000
18.	Dàn lạnh	cái	400.000
19.	Dàn nóng	cái	400.000
20.	Bảng điều khiển	bộ	240.000
21.	Công tắc áp suất	cái	240.000
22.	Cụm đường ống cao áp	bộ	400.000
23.	Cụm đường ống thấp áp	bộ	400.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
24.	Bình chứa	cái	400.000
25.	Ga điều hoà	kg	84.000
26.	Dầu máy nén	ml	84.000

3. Định mức vật tư phụ sửa chữa lớn

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC		
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	25
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10
3	Điện để chạy thử, nghiệm thu	kWh	10
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2
5	Giẻ lau	Kg	5
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	7
8	Mỡ bơm	Kg	0,7
9	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Băng dính điện	Cuộn	4
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Điện để chạy thử, nghiệm thu	kWh	10
4	Dây điện	M	10
5	Dây thít to, nhỏ	Cái	50
6	Giấy ráp	Tờ	5
7	Chất tẩy rửa (RP7)	Lọ (400ml)	2
8	Giẻ lau	Kg	2
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)		
1	Băng dính điện	Cuộn	3
2	Dây thít to, nhỏ	Cái	30
3	Chất tẩy rửa (RP7)	Lọ (400 ml)	1
4	Dây điện	M	5
5	Giẻ lau	Kg	2
6	Điện để kiểm tu, chạy thử, nghiệm thu	kWh	10
IV.	PHẦN THÂN VỎ		
1	Sơn chống gỉ	Lít	15

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
2	Sơn ghi lót	Lít	2
3	Sơn màu	Lít	13
4	Sơn gầm xe	Lít	8
5	Đồng cứng lót	Lít	6,5
6	Dung môi pha sơn	Lít	3
7	Mỡ bơm	Kg	1
8	Giấy ráp các loại	Tờ (0,5 m)	9
9	Đồng cứng màu	Lít	1
10	Bả keo hai thành phần	Kg	42
11	Vải giáp nga để mài	Mét	5
12	Băng dính	Cuộn	7
13	Giấy báo	Kg	1
14	Giẻ lau	Kg	4

Điều 36. Định ngạch sử dụng lớp

STT	Loại xe	Số lượng (Bộ)	Định ngạch sử dụng (km)	
			Lớp nội	Lớp ngoại
1	Xe buýt điện trung bình	6	35.000	55.000

Điều 37. Định ngạch sử dụng ắc quy

STT	Loại xe	Chủng loại	Số lượng (Bộ)	Định ngạch sử dụng (Tháng)
1	Xe buýt điện trung bình	100 Ah	2	18

Điều 38. Định mức quản lý chung

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý chung	%	7

Ghi chú: Định mức quản lý chung được xác định tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp

Điều 39. Định mức lợi nhuận của định mức

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức lợi nhuận định mức	%	5

Ghi chú: Định mức lợi nhuận định mức được xác định tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp

Điều 40. Định mức trang thiết bị vận hành áp dụng khoa học công nghệ

STT	Định mức	Đơn vị	Trang thiết bị vận hành áp dụng khoa học công nghệ				
			Camera giám sát tích hợp GPS	LED	Camera trên xe	Rao trạm	Máy POS

STT	Định mức	Đơn vị	Trang thiết bị vận hành áp dụng khoa học công nghệ				
			Camera giám sát tích hợp GPS	LED	Camera trên xe	Rao trạm	Máy POS
1	Số lượng trên 1 phương tiện	Cái	1	2	3	1	1
2	Thời gian khấu hao trang thiết bị	Năm	5	5	5	5	5
3	Vận hành, duy tu bảo dưỡng trang thiết bị	Lần/năm	1	1	1	1	1

Ghi chú: Trường hợp giá phương tiện xe buýt điện khi mua đã bao gồm một hoặc tất cả trang thiết bị nêu trên thì khi tính toán hồ sơ dự toán hoặc đơn giá dịch vụ VTHKCC xe buýt điện sẽ loại trừ hạng mục tương ứng

Điều 41. Định mức trạm sạc

STT	Nội dung	Đơn vị	Phương pháp	Giá trị
1	Định mức trạm sạc	%	Được xác định theo tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp vận hành	3,99

Ghi chú: Định mức trạm sạc bao gồm chi phí khấu hao trạm sạc, hạ tầng phục vụ trạm sạc, chi phí lao động vận hành, năng lượng vận hành, chi phí bảo dưỡng duy trì trạm sạc.

Điều 42. Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Bảo hiểm TNDS	Lần/năm	1
2	Kiểm định (Đăng kiểm)	Lần/năm	1,4
3	Phí bảo trì đường bộ	Lần/năm	1
4	Định mức gửi xe, thuê bãi đỗ xe		Tính trên cơ sở số kilomet xe buýt di chuyển thực tế từ bãi đỗ xe buýt đến điểm đầu của tuyến

Chương IV
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NHÓM XE BUÝT ĐIỆN LỚN
(TỪ 60 CHỖ³ TRỞ LÊN)

Điều 43. Định mức khấu hao xe buýt điện lớn

Loại xe	Tỷ lệ khấu hao/năm
Xe buýt điện lớn	10%

Điều 44. Định mức lao động của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

STT	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Đơn vị	Định mức
1	Thời gian làm việc 1 ca xe	Giờ	8
2	Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	24
3	Số ngày làm việc trong năm	Ngày	288
4	Hệ số ngày làm việc		1,27
5	Hệ số ca xe bình quân/ngày	Ca xe	2
6	Hành trình bình quân 1 ca xe	km/xe/ca	115-150
7	Số lao động lái xe	Người /ca xe	1
8	Số lao động nhân viên phục vụ trên xe	Người /ca xe	1

Điều 45. Định mức tiền lương cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

STT	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Đơn vị	Định mức
1	Bậc lương lái xe	Bậc	3/4
2	Hệ số lương lái xe		3,64
3	Bậc lương nhân viên phục vụ trên xe	Bậc	4/7
4	Hệ số lương nhân viên phục vụ trên xe		2,55
5	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (lái xe)		Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương
6	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (nhân viên phục vụ trên xe)		
7	Hệ số phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với lái xe ô tô khách		Theo quy định pháp luật

Ghi chú:

- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

- Ăn ca

- Lương cơ bản

- Lương lái xe, nhân viên phục vụ trên xe = (Hệ số lương + Hệ số phụ cấp) x Mức lương cơ sở x (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương)

Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

Điều 46. Định mức tiêu hao năng lượng điện

STT	Loại xe	Đơn vị	Định mức
1	Xe buýt điện lớn	kWh/100 km	69,45

³ Không kể chỗ của người lái xe

Ghi chú: Với các xe buýt điện có tuổi đời từ năm thứ 5 trở đi, áp dụng thêm hệ số điều chỉnh 1,05.

Điều 47. Định mức bảo dưỡng hàng ngày

STT	Nội dung	Định mức giờ công	Cấp bậc lao động
1	Rửa xe, vệ sinh trong xe	0,25	3
2	Kiểm tra, điều chỉnh tình trạng đảm bảo kỹ thuật phương tiện	0,25	4
	Tổng	0,5	

Điều 48. Định ngạch bảo dưỡng cấp I

Loại xe	Bảo dưỡng cấp I (km)
Xe buýt điện lớn	5.000

1. Nội dung bảo dưỡng cấp I

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; vệ sinh két nước làm mát
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần
8	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
9	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh
10	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu
11	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
12	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
13	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, do lại độ chụm nếu cần
14	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định
15	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn
16	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gi và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn
17	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn

STT	Nội dung công việc
18	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
19	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe
20	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe
22	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát
23	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa
24	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp I

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; vệ sinh két nước làm mát	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần	0,5	4
8	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
9	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh	1,0	5
10	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
11	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
12	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
13	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,0	5
14	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	nước phụ đến mức quy định		
15	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1,0	5
16	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
17	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn	0,5	4
18	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1,0	4
19	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
20	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1,0	5
22	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát	0,5	5
23	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa	0,5	5
24	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng	1,0	3
	Tổng	18,0	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp I

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	m	0,4

Điều 49. Định ngạch bảo dưỡng cấp II

Loại xe	Bảo dưỡng cấp II (km)
Xe buýt điện lớn	10.000

1. Nội dung bảo dưỡng cấp II

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; vệ sinh két nước làm

STT	Nội dung công việc
	mát
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng bộ All in 1
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh
13	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu
14	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
15	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
17	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm
18	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ
19	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định
20	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn
21	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn
22	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn
23	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
24	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe
25	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
26	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe
27	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát
28	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa

STT	Nội dung công việc
29	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp II

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; vệ sinh két nước làm mát	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	1,0	5
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng bộ All in 1	0,5	5
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần	0,5	4
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh	1,0	5
13	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
14	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
15	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,0	5
17	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm	1,0	5
18	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ	1,0	4
19	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
20	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và	1,0	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	không có căn bản		
21	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
22	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn	0,5	4
23	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1,0	4
24	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
25	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
26	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1,0	5
27	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát	0,5	5
28	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa	0,5	5
29	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng	1,0	3
	Tổng	22,0	

3. Định mức vật tư, phụ tùng bảo dưỡng cấp II

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	m	0,4

Điều 50. Định ngạch bảo dưỡng cấp III

Loại xe	Bảo dưỡng cấp III (km)
Xe buýt điện lớn	15.000

1. Nội dung bảo dưỡng cấp III

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; rửa két nước làm mát

STT	Nội dung công việc
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần
8	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
9	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh
10	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch
11	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu
13	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
14	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
15	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
16	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
17	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm
18	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ
19	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
20	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
21	Thực hiện cân bằng lốp
22	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định
24	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn
26	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách

STT	Nội dung công việc
	ngăn trong xe
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
30	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần
31	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
32	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (cảm biến đỗ, lùi...)
33	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
34	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát
36	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa
37	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp III

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; rửa két nước làm mát	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần	0,5	4
8	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
9	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh	1,0	5
10	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch	1,0	5
11	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng,	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan		
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
13	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
14	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
15	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2,0	5
16	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2,0	5
17	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	5
18	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ	4,0	5
19	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,0	5
20	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	4
21	Thực hiện cân bằng lốp	1,5	5
22	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	5
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
24	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1,0	5
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
26	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn	0,5	4
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1,0	4
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
30	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần	0,5	3
31	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
32	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân	1,0	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	xe (cảm biến đỗ, lùi, ...)		
33	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,5	4
34	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1,0	5
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát	0,5	5
36	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa	0,5	5
37	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng	1,0	3
	Tổng	34,0	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp III

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	2,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	m	0,4

Điều 51. Định ngạch bảo dưỡng cấp IV

Loại xe	Bảo dưỡng cấp IV (km)
Xe buýt điện lớn	20.000

1. Nội dung bảo dưỡng cấp IV

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; rửa két nước làm mát
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX

STT	Nội dung công việc
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng bộ All in 1
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần
11	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của các bơm nước
13	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động
14	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
15	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
16	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu
18	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
19	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
20	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
22	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm
23	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định
25	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn
26	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn
27	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn
28	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
29	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe
30	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
31	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe
32	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát
33	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa
34	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp IV

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; rửa két nước làm mát	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	1,0	5
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng bộ All in 1	0,5	5
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần.	0,5	4
11	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối	0,5	4
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của các bơm nước	0,5	4
13	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động	0,5	5
14	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
15	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
16	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh	1,0	5
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
18	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
19	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
20	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô	0,5	4
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,0	5
22	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc	1,0	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	gồm		
23	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ	1,0	4
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
25	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1,0	5
26	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
27	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn	0,5	4
28	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1,0	4
29	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
30	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
31	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1,0	5
32	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát	0,5	5
33	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa	0,5	5
34	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng	1,0	3
	Tổng	24,5	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp IV

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	m	0,4

Điều 52. Định ngạch bảo dưỡng cấp V

Loại xe	Bảo dưỡng cấp V (km)
Xe buýt điện lớn	30.000

1. Nội dung bảo dưỡng cấp V

STT	Nội dung công việc
-----	--------------------

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; rửa két nước làm mát
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng bộ All in 1
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh
14	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch
15	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
16	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu
17	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
18	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
19	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống
20	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
21	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
22	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm
23	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ
24	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
25	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
26	Thực hiện cân bằng lốp

STT	Nội dung công việc
27	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe
28	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm
29	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ
30	Kiểm tra đường ống làm mát pin và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
31	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
32	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định
33	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát pin (BTMS): sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn
34	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát pin (BTMS): sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
35	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)
36	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn
37	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn
38	Tấm lọc điều hòa sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn
39	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)
40	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
41	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
42	Kiểm tra hệ thống dây điện, điều khiển: không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn
44	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van
45	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa
46	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
47	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước
48	Kiểm tra/bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước
49	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước
50	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau
51	Kiểm tra/bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau

STT	Nội dung công việc
52	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau
53	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn
54	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
55	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe
56	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
57	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần
58	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
59	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (cảm biến đỗ, lùi)
60	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
61	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe
62	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống camera quan sát
63	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa
64	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp V

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe	1,0	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	1,0	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,5	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần	0,5	4
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh	1,0	5
14	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch	1,0	5
15	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	0,5	4
16	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
17	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
18	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
19	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống	0,5	4
20	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2,0	5
21	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2,0	5
22	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	5
23	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ	4,0	5
24	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,0	5
25	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	4
26	Thực hiện cân bằng lốp	1,5	5
27	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	5
28	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm	1,0	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
29	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ	1,0	4
30	Kiểm tra đường ống làm mát pin và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
31	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
32	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
33	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát pin (BTMS): sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	1,0	4
34	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát pin (BTMS): sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	1,0	4
35	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5 \text{ M}\Omega$)	1,0	5
36	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1,0	5
37	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
38	Tấm lọc điều hòa sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	0,5	4
39	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10 \text{ M}\Omega$)	1,0	5
40	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
41	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
42	Kiểm tra hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt	0,5	4
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn	0,5	4
44	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van	0,5	4
45	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa	0,5	4
46	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
47	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước	0,5	3
48	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước	0,5	3
49	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,5	3
50	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau	0,5	3
51	Kiểm tra/bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau	0,5	3
52	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,5	3
53	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn	0,5	4
54	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1,0	4
55	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
56	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
57	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần	0,5	3
58	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
59	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (cảm biến đỗ, lùi, ...)	1,0	5
60	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,5	4
61	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1,0	5
62	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống camera quan sát	0,5	5
63	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa	0,5	5
64	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng	1,0	3
	Tổng	51,5	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp V

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	2,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
6	Giấy ráp	m	0,4

Điều 53. Định ngạch bảo dưỡng cấp VI

Loại xe	Bảo dưỡng cấp VI (km)
Xe buýt điện lớn	60.000

1. Nội dung bảo dưỡng cấp VI

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng riêng của pin
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng bộ All in 1
12	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của các bơm nước
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động
16	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
17	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
18	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
21	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu
22	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái

STT	Nội dung công việc
23	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
24	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống
25	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô
26	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
27	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
28	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
33	Thực hiện cân bằng lốp
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe
35	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm
36	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ
37	Kiểm tra đường ống làm mát và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
38	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
39	Kiểm tra hoạt động của cảm biến, vệ sinh cảm biến nhiệt độ, giắc cắm
40	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định
41	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát pin (BTMS): sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bắn mất nguyên vẹn
42	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát pin (BTMS): sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
43	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5 \text{ M}\Omega$)
44	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
45	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn
46	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn
47	Tấm lọc điều hòa sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bắn mất nguyên vẹn
48	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10 \text{ M}\Omega$)
49	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường

STT	Nội dung công việc
50	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
51	Kiểm tra hệ thống dây điện, điều khiển: không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt
52	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn
53	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van
54	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa
55	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
56	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước
57	Kiểm tra/bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước
58	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước
59	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau
60	Kiểm tra/bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau
61	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau
62	Kiểm tra/bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau
63	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn
64	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
65	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe
66	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
67	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần
68	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
69	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (cảm biến đỗ, lùi,...)
70	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
71	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe
72	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống camera quan sát
73	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa
74	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng

2. Định mức lao động bảo dưỡng cấp VI

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; rửa két nước làm mát	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình táp lô, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng riêng của pin	15,0	5
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe	1,0	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	1,0	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng bộ All in 1	0,5	5
12	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát nếu cần	0,5	4
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối	0,5	4
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của các bơm nước	0,5	4
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động	0,5	5
16	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
17	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
18	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, tác dụng của phanh tay, phanh chân, đường ống phanh	1,0	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch	1,0	5
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	0,5	4
21	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
22	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
23	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
24	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống	0,5	4
25	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô	0,5	4
26	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2,0	5
27	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2,0	5
28	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	5
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu	1,0	4
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ	4,0	5
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,0	5
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	4
33	Thực hiện cân bằng lốp	1,5	5
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	5
35	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm	1,0	5
36	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ	1,0	4
37	Kiểm tra đường ống làm mát và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
38	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
39	Kiểm tra hoạt động của cảm biến, vệ sinh cảm biến nhiệt độ, giắc cắm	1,0	4
40	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
41	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát pin (BTMS): sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	1,0	4
42	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát pin (BTMS): sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	1,0	4
43	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5 \text{ M}\Omega$)	1,0	5
44	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	5
45	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1,0	5
46	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
47	Tấm lọc điều hòa sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	0,5	4
48	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10 \text{ M}\Omega$)	1,0	5
49	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
50	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
51	Kiểm tra hệ thống dây điện, điều khiển: không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt	0,5	4
52	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn	0,5	4
53	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van	0,5	4
54	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa	0,5	4
55	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,5	4
56	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước	0,5	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
57	Kiểm tra/bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước	0,5	3
58	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,5	3
59	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau	0,5	3
60	Kiểm tra/bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau	0,5	3
61	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,5	3
62	Kiểm tra/bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau	0,5	3
63	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn	0,5	4
64	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1,0	4
65	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
66	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
67	Kiểm tra lưới gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần	0,5	3
68	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
69	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (cảm biến đỗ, lùi, ...)	1,0	5
70	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,5	4
71	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1,0	5
72	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống camera quan sát	0,5	5
73	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống thông tin trên xe: đèn LED, GPS, loa	0,5	5
74	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng	1,0	3
	Tổng	72,0	

3. Định mức vật tư phụ bảo dưỡng cấp VI

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	2,0

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Lọc gió máy nén	Cái	1,0
6	Lọc dầu trợ lực	Cái	1,0
7	Băng dính điện	Cuộn	1,0
8	Giấy ráp	m	0,4
9	Má phanh	Bộ	1,0
10	Dầu trợ lực lái	Lít	7,0
11	Dầu cầu	Lít	12,0

Điều 54. Định ngạch sửa chữa lớn xe và tổng thành

Loại xe	Định mức sửa chữa lớn (1.000 km)			
	Gầm và truyền lực	Điện	Điều hòa	Vỏ
Xe buýt điện lớn	300	300	300	300

1. Định ngạch sử dụng phụ tùng sửa chữa lớn

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
I	Phần gầm và truyền lực		
1	Cầu trước, sau	Bộ	500,000
2	Moay ơ trước, sau	Cái	300,000
3	Nhíp hơi	Cái	120,000
4	Đế nhíp hơi + giảm va đập	Bộ	300,000
5	Tổng phanh	Cái	120,000
6	Cảm biến báo mòn má phanh	Bộ	120,000
7	Cảm biến phanh ABS	Cái	120,000
8	Hộp tay lái	Cái	300,000
9	Vành tay lái + phím còi	Bộ	300,000
10	Bì moay ơ	Vòng	84,000
11	Chữ thập, gối đỡ, bi trung gian các đăng	Bộ	84,000
12	Trục các đăng	Cái	300,000
13	Bơm trợ lực tay lái	Cái	120,000
14	Bánh răng các loại	Bộ	300,000
15	Giảm xóc	Cái	84,000
16	Bạc càng chữ A	Cái	84,000
17	Các loại van hơi	Bộ	120,000
18	Xi lanh đóng mở cửa hơi	Cái	120,000
19	Bầu phanh trước, sau	Cái	300,000
20	Cao su bầu phanh	Cái	60,000
21	Gioăng phốt tay lái	Bộ	120,000
22	Gioăng phốt cầu sau	Bộ	60,000
23	Phốt moay ơ	Bộ	24,000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
24	Bulông tắc kê	Cái	120,000
25	Ắc bực phi dê	Bộ	120,000
26	Bánh răng vành chậu quả dứa	Cái	300,000
27	Bô vi sai	Bộ	300,000
28	Trục láp	Cái	300,000
29	Trục ba ngang, ba dọc	Bộ	300,000
30	Rô tuyền lái	Cái	120,000
31	Bộ công tắc điều khiển hộp số	Bộ	120,000
32	Đĩa phanh	Cái	150,000
33	La Jăng	Cái	500,000
34	Séc măng bơm hơi	Bộ	60,000
35	Xi lanh, pistong bơm hơi	Cái	120,000
36	Cụm van đóng mở phanh tay	Bộ	300,000
37	Các loại bình hơi	Cái	300,000
38	Các loại tuy ô cao su	Cái	60,000
39	Các loại vòng bi cầu	Vòng	180,000
40	Các loại cao su giảm chấn	Cái	48,000
41	Bạc, ắc giăng cầu	Cái	84,000
II	Phần điện		
1	Vòng bi động cơ điện 3 pha	Vòng	240,000
2	Bơm nước làm mát động cơ	Cái	240,000
3	Bơm hơi (máy nén khí)	Cái	270,000
4	Bơm nước làm mát Pin	Cái	240,000
5	Hộp All in 1	Pin	300,000
6	Hộp Inverter	Pack	300,000
7	Hộp Làm mát Pin BTMS	Hộp	300,000
8	Pin (1 xe gồm 8 Pack Pin)	Hộp	540,000
9	Hộp điều khiển BCU A26 (Điều khiển hệ thống điện trên xe)	Hộp	300,000
10	Hộp điều khiển BCU A27 (Điều khiển hệ thống điện trên xe)	Hộp	300,000
11	Hộp điều khiển EVCU (Điều khiển toàn bộ hệ thống điện).	Hộp	300,000
12	Hộp ECU điều khiển hệ thống treo	Hộp	300,000
13	Hộp ECU điều khiển hệ thống phanh	Hộp	300,000
14	Hộp EVCU điều khiển hệ thống sạc Pin cho xe	Hộp	300,000
15	Còi điện	Cái	50,000
16	Mô tơ gạt mưa	Cái	100,000
17	Thanh giăng gạt mưa	Bộ	240,000
18	Rơ le cắt mát	Cái	120,000
19	Đèn pha, cos, xi nhan trước	Cái	120,000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
20	Các đèn sau (phanh, lùi, xi nhan)	Cái	120,000
21	Bóng đèn các loại	Cái	24,000
22	Rơ le các loại	Cái	80,000
23	Công tắc các loại	Cái	60,000
24	Cáp ắc quy	Cái	180,000
25	Đồng hồ các loại	Cái	180,000
26	Bộ đóng mở cửa điện	Cái	120,000
27	Các loại cảm biến	Cái	60,000
28	Van điện từ điều khiển	Cái	120,000
29	Đèn LED xung quanh xe	Bộ	240,000
30	Bảng điều khiển đèn led	Bộ	40,000
31	Thẻ nhớ của bảng điều khiển	Bộ	40,000
32	Camera	Bộ	240,000
33	Màn hình camera	Cái	40,000
34	Nguồn màn hình camera	Cái	40,000
35	Ố ghi camera	Cái	240,000
36	Bộ nguồn OBU	Cái	240,000
37	Đèn trần	Bộ	120,000
38	Cân, chổi gạt mưa	Bộ	60,000
39	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	Bộ	240,000
III	Phân điều hoà		
1	Máy nén pistong điều hoà	Cái	240,000
2	Bình lọc, làm khô	Cái	72,000
3	Chổi than quạt dàn nóng, dàn lạnh	Bộ	132,000
4	Mô tơ quạt dàn lạnh	Cái	132,000
5	Mô tơ quạt dàn nóng	Cái	132,000
6	Lưới lọc	Bộ	48,000
7	Cụm van máy nén	Bộ	96,000
8	Mặt đế dàn van máy nén	Bộ	96,000
9	Xéc măng máy nén	Bộ	96,000
10	Bạc vòng bi cổ trục, cổ biên hoặc cơ cấu dẫn động với bơm quay	Bộ	84,000
11	Cụm pistong, tay biên	Bộ	132,000
12	Van tiết lưu	Cái	144,000
13	Tuy ô cao su	Bộ	144,000
14	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	Cái	144,000
15	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	Cái	96,000
16	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	Bộ	132,000
17	Máy nén điều hoà	Bộ	400,000
18	Dàn lạnh	Cái	400,000
19	Dàn nóng	Cái	400,000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
20	Bảng điều khiển	Bộ	240,000
21	Công tắc áp suất	Cái	240,000
22	Cụm đường ống cao áp	Bộ	400,000
23	Cụm đường ống thấp áp	Bộ	400,000
24	Bình chứa	Cái	400,000
25	Thay ga	Lg	84,000
26	Thay dầu máy nén	ml	84,000

2. Định mức lao động sửa chữa lớn phần gầm và truyền lực

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn	50	4
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lớp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan	8,45	4
4	Tháo các cụm tổng thành khỏi xe và lắp sau sửa chữa		
4.1	Tháo, lắp trục các đăng	1,7	4
4.2	Tháo, lắp các bánh xe	3,4	3
4.3	Tháo, lắp moay ơ	13,6	3
4.4	Tháo, lắp dầm cầu sau	18,4	4
4.5	Tháo, lắp hệ thống càng chữ A cầu trước	20	4
4.6	Tháo, lắp hệ thống phanh, tổng phanh, cụm phanh tay, bầu phanh trước, sau	6	4
4.7	Tháo lắp hệ thống lái, trợ lực lái	8	4
4.8	Tháo lắp bình hơi (1 bình)	1,5	4
5	Kiểm tra các chi tiết khi tháo, đo đạc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết	38	6
6	Sửa chữa, thay thế các chi tiết trục các đăng	6,8	4
7	Sửa chữa các cụm moay ơ và các chi tiết liên quan	47,6	4
8	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái		

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
8.1	Thay bộ bạc, ốc trụ tay lái (ắc phi nhê) (1 xe)	16	4
8.2	Thay các rô tuyn của cangk A và đòn kéo (1 xe)	14	4
8.3	Thay bộ gioăng phốt hộp cơ cấu tay lái, điều chỉnh ăn khớp cơ cấu lái	10,45	5
8.4	Thay bơm trợ lực lái	5	4
8.5	Thay tủy ô trợ lực lái	4	5
8.6	Thay ổ bi chữ thập trực tay lái	3,4	5
8.7	Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trực tay lái	13,6	5
9	Sửa chữa hệ thống treo		
9.1	Thay bóng hơi (1 xe)	9	4
9.2	Sửa chữa thay thế để bóng hơi (1 xe)	9	5
9.3	Sửa chữa thay thế cần điều chỉnh hơi (1 xe)	3,5	4
9.4	Thay thế giảm chấn (1 xe)	6	3
9.5	Thay thế bạc cao su thanh giằng cầu	4	4
9.6	Thay thế rô tuyn cân bằng (1 xe)	4	4
10	Sửa chữa, thay thế dẫn động phanh		
10.1	Thay tủy ô phanh	6,8	4
10.2	Thay tổng phanh hoặc cúp pen tổng phanh	5,1	5
10.3	Thay bộ chia dòng phanh	3,4	5
10.4	Thay rô le hoặc van hơi các loại (1 xe)	5,1	5
10.5	Sửa chữa thay thế cụm phanh tay	4	4
10.6	Thay bầu phanh (1 xe)	6	4
10.7	Sửa chữa thay đĩa phanh (1 xe)	6	4
10.8	Thay má phanh	4	4
11	Thay thế đế và bầu lọc làm khô khí nén	3	4
12	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống vành bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ kích. Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao	23,2	4
	Tổng	395,0	

3. Định mức vật tư phụ sửa chữa lớn phần gầm và truyền lực

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	26
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10
3	Năng lượng điện chạy thử	kWh	10
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2
5	Giẻ lau	Kg	5
6	Giấy ráp	Tờ	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	7

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
8	Mỡ bơm	Kg	1

4. Định mức lao động sửa chữa lớn phần điện

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa	28	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe		
4.1	Tháo, lắp động cơ điện	16	4
4.2	Tháo, lắp các cụm đèn trước	2	4
4.3	Tháo, lắp các cụm đèn sau	2	4
4.4	Tháo, lắp đèn nóc	2	4
4.5	Tháo, lắp các đèn trong xe	24	4
4.6	Tháo, lắp pin (1 pack)	3	5
4.7	Tháo, lắp inverter	5	5
4.8	Tháo, lắp sbx	2	5
4.9	Tháo, lắp all-in-one	4	5
4.10	Tháo, lắp hộp điều khiển làm mát pin DCMS	3	5
4.11	Tháo, lắp loa, radio, micro	3	4
4.12	Tháo, lắp khoang tấp lô	3	4
4.13	Tháo, lắp bộ gạt mưa	2	4
4.14	Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa (bao gồm van cơ khí, piston xy lanh đóng mở cửa và cả các thanh giằng rô tuyen cửa)	6	4
4.15	Tháo, lắp bó dây đầu xe, bảng cầu chì	4	5
4.16	Tháo, lắp bó dây trần xe (tính cả ốp sườn, ốp trần)	20	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
4.17	Tháo, lắp bó dây sát xi	24	5
4.18	Tháo, lắp bó dây đuôi xe	12	5
4.19	Tháo, lắp bó dây khoang động cơ	16	5
4.20	Tháo, lắp hệ thống điều khiển rơ le, cầu chì, ắc quy	8	4
5	Sửa chữa động cơ điện		
5.1	Thay vòng bi	10	5
5.2	Đo kiểm rô to, stato	8	5
6	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18	5
7	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18	5
8	Sửa chữa bó dây sát xi, thay dây mới	18	5
9	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	20	5
10	Hệ thống làm mát pin		
10.1	Tháo, lắp bơm nước	3	4
10.2	Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	5	4
10.3	Tháo lắp cảm biến nhiệt độ	1	4
10.4	Tháo, lắp bình nước phụ	1	4
10.5	Thay thế dung dịch làm mát	2	4
10.6	Tháo, lắp dàn lạnh	1	4
10.7	Tháo, lắp dàn nóng	1	4
11	Hệ thống làm mát động cơ điện, sbos, inverter, all-in-one		
11.1	Tháo, lắp bơm nước	1	4
11.2	Tháo, lắp kết nước	1.5	4
11.3	Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	3	4
11.4	Tháo, lắp bình nước phụ	0.5	4
11.5	Thay thế dung dịch làm mát	2	4
12	Kiểm tra sửa chữa, thay thế đèn led	24	4
13	Kiểm tra thay thế camera	6	4
14	Thay thế màn hình quảng cáo	8	4
15	Kiểm tra sửa chữa thay thế công tắc xuống xe	4	4
16	Thay thế các công sạc trên xe	4	4
17	Thay thế ắc quy 24V-200Ah	2	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
18	Kiểm tra hoàn thiện, bàn giao	6	5
	Tổng	364,0	

5. Định mức vật tư phụ cho sửa chữa lớn phần điện

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Băng dính điện	Cuộn	4
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Năng lượng điện chạy thử	kWh	10
4	Dây điện	m	10
5	Dây thít to, nhỏ	Cái	50
6	Giấy ráp	Tờ	5
7	Chất tẩy rửa	Hộp	2
8	Giẻ lau	Kg	2

6. Định mức lao động sửa chữa lớn phần điều hòa

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: Chuẩn bị hồ sơ giấy tờ, tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu, dự trù vật tư phụ tùng...và các giấy tờ, tài liệu thông số kỹ thuật khác liên quan. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa.	18	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
4.1	Thu hồi ga	1,2	4
4.2	Tháo, lắp quạt dàn nóng, dàn lạnh	2,4	4
4.3	Tháo, lắp dàn nóng	3,6	5
4.4	Tháo, lắp dàn lạnh	4,8	5
4.5	Tháo, lắp hệ thống đường ống cao áp, thấp áp	19,2	5
4.6	Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	24	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
4.7	Tháo, lắp máy nén điều hòa	2,4	5
4.8	Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,5	5
4.9	Tháo, lắp công tắc điều khiển	1,2	5
4.10	Tháo, lắp hệ thống dây điện	14,4	5
4.11	Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25	4
4.12	Tháo, lắp hộp DC-DC chuyển đổi và phân phối điện cho hệ thống điều hòa	3	4
4.13	Tháo, lắp fill lọc ga điều hòa	3	4
4.14	Tháo, lắp van tiết lưu	4	4
5	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh	7,2	5
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn nóng, thay thế	19,2	5
7	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn lạnh, thay thế	19,2	5
8	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	19	5
10	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển	9,6	5
11	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9,6	5
12	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9,6	5
13	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4	5
	Tổng	234,1	

7. Định mức vật tư phụ sửa chữa lớn phần điều hòa

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Băng dính điện	Cuộn	3
2	Dây thít to, nhỏ	Cái	30
3	Chất tẩy rửa	Hộp	1
4	Dây điện	m	5
5	Giẻ lau	Kg	2
6	Năng lượng điện chạy thử	kWh	10

8. Định mức vật tư sơn toàn bộ xe

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Sơn chống gỉ	Lít	16
2	Sơn ghi lót	Lít	3
3	Sơn màu	Lít	14
4	Sơn gầm xe ô tô	Lít	8
5	Đông cứng lót	Lít	6,5

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
6	Dung môi pha sơn	Lít	4
7	Mỡ bơm	Lít	1
8	Giấy ráp các loại	Tờ	10
9	Đồng cứng màu	Lít	1
10	Bả keo hai thành phần	Kg	42
11	Vải giáp nga để mài	m	5
12	Băng dính	Cuộn	8
13	Giấy báo	Kg	1
14	Giẻ lau	Kg	5

Điều 55. Định ngạch sử dụng lớp

STT	Loại xe	Số lượng (Bộ)	Định ngạch sử dụng (km)	
			Lớp nội	Lớp ngoại
1	Xe buýt điện lớn	6	35.000	55.000

Điều 56. Định ngạch sử dụng ắc quy

STT	Loại xe	Loại	Số lượng (Bộ)	Định ngạch (tháng)
1	Xe buýt điện lớn	12V-200Ah	2	18

Điều 57. Định mức quản lý chung

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý chung	%	7

Ghi chú: Định mức quản lý chung được xác định tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp

Điều 58. Định mức lợi nhuận của định mức

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức lợi nhuận định mức	%	5

Ghi chú: Định mức lợi nhuận định mức được xác định tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp

Điều 59. Định mức trang thiết bị vận hành áp dụng khoa học công nghệ

TT	Định mức	Đơn vị	Trang thiết bị vận hành áp dụng khoa học công nghệ				
			Camera giám sát tích hợp GPS	LED	Camera trên xe	Rao trạm	Máy POS
1	Số lượng trên 1 phương tiện	Cái	1	2	3	1	1
2	Thời gian khấu	Năm	5	5	5	5	5

	hao trang thiết bị						
3	Vận hành, duy tu bảo dưỡng trang thiết bị	Lần/năm	1	1	1	1	1

Ghi chú: Trường hợp giá phương tiện xe buýt điện khi mua đã bao gồm một hoặc tất cả trang thiết bị nêu trên thì khi tính toán hồ sơ dự toán hoặc đơn giá dịch vụ VTHKCC xe buýt điện sẽ loại trừ hạng mục tương ứng

Điều 60. Định mức trạm sạc

STT	Nội dung	Đơn vị	Phương pháp	Giá trị
1	Định mức trạm sạc	%	Được xác định theo tỷ lệ % tổng chi phí trực tiếp vận hành	3,99

Ghi chú: Định mức trạm sạc bao gồm chi phí khấu hao trạm sạc, hạ tầng phục vụ trạm sạc, chi phí lao động vận hành, năng lượng vận hành, chi phí bảo dưỡng duy trì trạm sạc

Điều 61. Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Bảo hiểm TNDS	Lần/năm	1
2	Kiểm định (Đăng kiểm)	Lần/năm	1,4
3	Phí bảo trì đường bộ	Lần/năm	1
4	Định mức gửi xe, thuê bãi đỗ xe		Tính trên cơ sở số kilomet xe buýt di chuyển thực tế từ bãi đỗ xe buýt đến điểm đầu của tuyến

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 62. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.
2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật này, xây dựng đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật để làm cơ sở đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ xe buýt.

Điều 63. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp khó khăn, vướng mắc hoặc thực tiễn có phát sinh vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.